TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 11 - NINH BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 94/2025/HNGĐ-ST Ngày: 18/09/2025 V/v Ly hôn, nuôi con chung giữa chị Ngọc, anh Y	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Đính.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Kiêm;

Ông Nguyễn NPhán.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Công Thành – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11 - Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Ninh Bình tham gia phiên toà: Ông Vũ Minh Hải – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 09 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11 - Ninh Bình mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 17/2025/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 07 năm 2025 về việc ly hôn, nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 08 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 53/2025/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 09 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Ngọc, sinh năm 1991; địa chỉ: Tổ 4 (thị trấn Lâm cũ), xã Y, tỉnh Ninh Bình. Có đơn xin vắng mặt;

- Bị đơn: Anh Đoàn Văn Y, sinh năm 1992; địa chỉ: Thôn 13 (Hải Long), xã H, tỉnh Ninh Bình. Vắng mặt lần 2.

- Người làm chứng: Ông Đoàn Văn H, sinh năm: 1964; địa chỉ: Thôn 13 (Hải Long), xã H, tỉnh Ninh Bình. Xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 09 tháng 07 năm 2025 và quá trình tố tụng tại Toà án chị Phạm Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Nvà anh Đoàn Văn Y kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và được Uỷ ban nhân dân xã Hải Long, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định (nay là xã Hải Hậu, tỉnh Ninh Bình) cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 19/10/2023. Sau khi kết hôn, vợ chồng cùng lên Hà Nội làm kinh tế được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh Y không tu trí trong việc làm kinh tế, nhiều lần đánh chửi chị Ngọc. Chị và anh Y đã sống ly thân từ đầu năm

2025 đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị Nlàm đơn xin được ly hôn anh Y.

Về con chung: Chị và anh Đoàn Văn Y có 01 con chung là cháu Đoàn Ngọc M, sinh ngày 01/06/2024. Hiện nay, cháu M đang ở cùng chị Ngọc. Khi ly hôn nguyện vọng của chị N xin được nuôi dưỡng cháu M và không yêu cầu anh Y phải cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ tài sản chung của vợ chồng: Chị và anh Y không có tài sản chung, không vay nợ của ai và không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Đoàn Văn Y. Anh Y đã biết được quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật nhưng đến nay, anh Y vắng mặt không có lý do và không gửi cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Phạm Thị Ngọc.

Tại biên bản lấy lời khai khai ngày 04/08/2025 người làm chứng ông Đoàn Văn H trình bày: Ông là bố đẻ của anh Đoàn Văn Y; chị Phạm Thị N là con dâu của ông. Hiện nay, anh Y đang mở quán ăn ở trên Hà Nội. Anh Y ít khi về nhà, ông thường xuyên liên lạc với anh Y qua điện thoại. Sau khi kết hôn vợ chồng anh Y, chị N làm kinh tế trên Hà Nội, khi chị N sinh cháu M thì về nhà ông H khoảng 4 tháng. Về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn, do anh Y làm kinh tế không thuận lợi, có nợ lần nên trong cuộc sống vợ chồng thường xảy ra xích mích. Gia đình ông cũng đã nhiều lần hòa giải nhưng không thành. Nay chị N làm đơn xin ly hôn anh Y, ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung, anh Y, chị N có 01 con chung như chị N trình bày, nếu chị N không nhận nuôi dưỡng cháu M thì gia đình ông xin nhận nuôi cháu M. Về tài sản chung không có. Về công nợ, ông có cho anh Y vay nợ nhưng ông không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do công việc bận nên ông xin được vắng mặt và đồng ý nhận các văn bản tố tụng thay cho anh Y và cam kết giao lại cho anh Y.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Ninh Bình phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phám và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, ngyên đơn, bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghỉ nghị án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Tòa án căn cứ khoản 1 Điều 56 và các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình xử cho ly hôn giữa chị Phạm Thị N và anh Đoàn Văn Y. Về con chung, giao con chung cho chị N nuôi dưỡng, anh Y không phải cấp dưỡng nuôi con cho chị Ngọc.

Chị Phạm Thị Nphải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Phạm Thị Ncó đơn xin xét xử vắng mặt; anh Đoàn Văn Y đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nH vắng mặt không có lý do. Người làm chứng ông Đoàn Văn H có ý kiến xin được vắng mặt. Căn cứ khoản Căn cứ khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 và Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh Y, chị Ngọc, ông H là phù hợp.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ vợ chồng giữa chị Phạm Thị N và anh Đoàn Văn Y là quan hệ hôn nhân hợp pháp vì được xây dựng trên cơ sở tự nguyện và được UBND xã Hải L, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định (nay là xã Hải H, tỉnh Ninh Bình) đăng ký kết hôn ngày 19/10/2023. Sau khi kết hôn trong cuộc sống vợ chồng anh Y, chị N đã phát sinh nhiều mâu thuẫn dẫn đến ly thân. Nay chị N yêu cầu xin được ly hôn, nH anh Y không có ý kiến.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị N thì thấy: Sau khi kết hôn, trong cuộc sống vợ chồng do kinh tế khó khăn, cộng thêm tính tình không hợp quan điểm lối sống khác nhau nên phát sinh mâu thuẫn. Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Nvà anh Y đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận nguyện vọng xin ly hôn của chị N là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị Phạm Thị N và anh Đoàn Văn Y có 01 con chung là cháu Đoàn Ngọc M, sinh ngày 01/06/2024 hiện con chung đang do chị Nnuôi dưỡng. Khi ly hôn nguyện vọng của chị Nxin được nuôi dưỡng cháu M và không yêu cầu anh Y phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho chị Ngọc. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Y, nhưng anh Y không có ý kiến.

Xét nguyện vọng và điều kiện nuôi dưỡng con chung thì thấy: Chị Phạm Thị N có nghề nghiệp và thu nhập, hiện nay cháu M dưới 36 tháng tuổi. Quá trình giải quyết vụ án, anh Y không có ý kiến gì về việc nuôi dưỡng con chung. Do đó, để đảm bảo sự phát triển mọi mặt của con chung cần tiếp tục giao cháu M cho chị N nuôi dưỡng; do chị N không yêu cầu anh Y phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho chị N nên về nghĩa vụ nuôi con không đặt ra giải quyết là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Hai bên có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung.

[4] Về tài sản chung và nghĩa vụ tài sản chung của vợ chồng: Quá trình giải quyết vụ án, chị Phạm Thị N xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có nghĩa vụ về tài sản nên không yêu cầu Toà án giải quyết. Anh Đoàn Văn Y không tham gia tố tụng, không cung cấp tài liệu, chứng cứ và không gửi cho Tòa án văn bản ý kiến về tài sản chung cũng như về nghĩa vụ tài sản chung của vợ chồng nên không có căn cứ xem xét giải quyết. Nếu sau này anh Y có đơn đề nghị giải quyết tranh chấp về tài sản, nghĩa vụ về tài sản trong thời kỳ hôn nhân với chị Phạm Thị Nthì Tòa án sẽ thụ lý, giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về án phí: Chị Phạm Thị Nphải nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 và Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Phạm Thị Nvà anh Đoàn Văn Y.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Đoàn Ngọc M, sinh ngày 01/06/2024, cho chị Phạm Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, cho đến khi cháu M thành niên (đủ 18 tuổi). Anh Đoàn Văn Y không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho chị N. Hai bên có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung.

Nghĩa vụ bàn giao: Do cháu Đoàn Ngọc M đang do chị N nuôi dưỡng nên 02 bên không phải thực hiện nghĩa vụ bàn giao con chung cho nhau.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ- UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Phạm Thị Nphải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nH được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0000367 ngày 14/07/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình.

4. Quyền kháng cáo: NguY đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND khu vực 11 + Tỉnh;
- THA dân sự tỉnh;
- UBND xã Hải H;
- Các đương sự;
- Hồ sơ vụ án;

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Văn Đính